

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SẦM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HS-ST
Ngày: 14 - 8 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Phụng

Bà Trịnh Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân Đ - Sinh năm 1987 tại thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tổ dân phố Y, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Xuân T và bà: Trần Thị B; Có vợ là Trương Thị H và 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/4/2024 chuyển tạm giam ngày 23/4/2024, đến ngày 05/7/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn H1 – SN 1980; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường Q, thành phố S, Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 09h00 ngày 14/04/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố S tiếp nhận tố giác về tội phạm đối với đối tượng Nguyễn Xuân Đ ở tổ dân phố Y, phường Q, thành phố S có hành vi cho vay lãi nặng. Tiến hành triệu tập làm việc, Nguyễn Xuân Đ xin đầu thú, khai nhận hành vi cho vay lãi nặng và giao

nộp 01 điện thoại Xiaomi POCO X3 PRO gắn sim số 0975.099.340 và 01 máy nổ hiệu YANMAR.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Xuân Đ làm nghề lái xe cầu nên có tiết kiệm và vay mượn của bạn bè không tính lãi được một số tiền. Ngày 12/5/2023, anh Trần Văn H1, sinh năm 1980 ở tổ dân phố V, phường Q cần vay vốn làm ăn nên đã hỏi vay Đàm số tiền 100.000.000 đồng. Đàm đồng ý, thỏa thuận lãi suất vay 4.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương lãi xuất 146%/năm, mỗi tháng H1 phải trả 12.000.000 đồng tiền lãi. Nguyễn Xuân Đ dùng tài khoản số 107005946907 ngân hàng V chuyển 100.000.000 đồng đến tài khoản số 060178575115 ngân hàng S cho Trần Văn H1 và yêu cầu trả lãi hàng tháng bằng tiền mặt hoặc chuyển tiền qua tài khoản số 107005946907 ngân hàng V.

Cụ thể: Từ ngày 12/5/2023 đến ngày 14/3/2024 Trần Văn H1 đã trả tiền lãi cho Đ tổng số 09 tháng, số tiền lãi tổng cộng là 108.000.000 đồng (chưa trả tháng 2 năm 2024).

Ngày 07/4/2024, do H1 chậm trả lãi của 02 tháng (tháng 2 và tháng 4 năm 2024), Đ điều khiển xe ô tô cầu, biển kiểm soát 36C-376.98 đến nhà H1 để đòi nợ, khi đến nhà không thấy H1 ở nhà, nhìn thấy trước nhà có 01 máy nổ hiệu YANMAR nên Đàm cầu chiếc máy nổ đem về nhà. Sau đó, Đ gửi tin nhắn cùng hình ảnh chiếc máy nổ “*em cầu con máy to của anh đi cầm lấy tiền trả cho khoản vay của anh rồi anh nhé*”. H1 nhắn lại “*em cứ cầu đi*”. Đến ngày 13/4/2024, H1 trả tiếp 02 tháng tiền lãi, số tiền 24.000.000 đồng. Đàm nhận tiền nhưng không trả lại máy nổ và yêu cầu H1 phải trả đủ tiền gốc mới trả lại máy, do đó Trần Văn H1 đã tố giác hành vi cho vay lãi nặng của Nguyễn Xuân Đ đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố S. Tổng số tiền Trần Văn H1 đã trả lãi cho Nguyễn Xuân Đ là 11 tháng, với số tiền 132.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định nhà nước với lãi suất là 20%/năm, là 18.082.192 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 113.917.808 đồng. Hiện tại, H1 chưa trả số tiền gốc 100.000.000 đồng.

Căn cứ thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N về quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa các tổ chức tín dụng với khách hàng, xác định số tiền Nguyễn Xuân Đ cho Trần Văn H1 vay 100.000.000 đồng, lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/ngày tương đương lãi suất 146%/năm, cao gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, thu lợi bất chính số tiền 113.917.808 đồng.

Đối với hành vi Nguyễn Xuân Đ đến nhà Trần Văn H1 cầu chiếc máy nổ và yêu cầu H1 trả nợ gốc và lãi. Khi Đ đến cầu máy nổ về nhà mình, H1 không có nhà, Đ nhắn tin, H1 trả lời “*em cứ cầu đi*”, sau đó H1 đã trả lãi tiếp tục 02 tháng nhưng Đ vẫn yêu cầu trả cả gốc thì mới trả máy thể hiện Đ không lén lút với chủ sở hữu, H1 vẫn còn sự chọn khác, Đ không đe dọa dùng vũ lực, không uy hiếp đến tinh thần, không có mục đích chiếm đoạt chiếc máy nổ. Nên hành vi của Nguyễn Xuân Đ không đủ yếu tố cấu thành tội phạm “*Cưỡng đoạt tài sản*” hoặc “*Trộm cắp*”

tài sản”. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an thành phố S không khởi tố đối với Nguyễn Xuân Đ về hành vi trên là có căn cứ.

Cáo trạng số 44/CTr-VKS-HS ngày 18/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn truy tố Nguyễn Xuân Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng: Khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS.

Đề nghị tuyên bố: Nguyễn Xuân Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị xử phạt Nguyễn Xuân Đ mức án từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; về hình phạt bổ sung: đề nghị phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 30 đến 50 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước; Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Xiami POCO X3 PRO găm sim số; Buộc bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu từ bị cáo Nguyễn Xuân Đ số tiền 18.082.192 đồng; Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền nợ gốc còn lại từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn H1 số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng); Đối với số tiền thu lời bất chính anh Trần Văn H1 không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền trên nên miễn xét.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về phần thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có bản khai đầy đủ, rõ ràng nên việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 BLTTHS Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp và đúng quy định

[2]. Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa Nguyễn Xuân Đ khai nhận ngày 12/5/2023 bị cáo cho Trần Văn H1 vay số tiền 100.000.000 đồng, với mức lãi suất 146%/năm (vượt gấp 7.3 lần mức lãi suất cao nhất cho phép theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) thu lời bất chính số tiền 113.917.808đ đồng

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đủ cơ sở khẳng định bị cáo đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt

được quy định tại Điều 201 BLHS. Do đó việc truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Do hám lợi từ việc cho vay tiền lấy lãi cao nên bị cáo đã cho vay số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất 146%/năm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về tín dụng, xâm phạm lợi ích của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Do đó cần phải được xử lý nghiêm minh để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo có thái độ ăn ănnăn hồi cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tự giác ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, nên khi lượng hình cũng nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Căn cứ vào tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên cần áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo và cải tạo giáo dục tại địa phương là phù hợp và cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội

[5] Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo phạm tội vì mục đích hám lời, cần xem xét áp dụng hình phạt bổ sung, phạt bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước theo quy định

[6] Về vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại là công cụ phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Biện pháp tư pháp: Đối với số tiền lãi thu tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo đã nhận từ người vay thì cần truy thu để sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền gốc người vay chưa trả lại cho bị cáo thì cần tiếp tục truy thu để sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền mà bị cáo thu lợi bất chính từ người vay anh Trần Văn H1, anh H1 không yêu cầu bị cáo trả lại nên không xem xét.

[8] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định tại Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 65 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 BLTTHS.

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân Đ 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo,

thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự”.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 đ (Ba mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước

Xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Xiaomi POCO X3 PRO gắp sim số. Vật chứng trên hiện đang được tạm giữ và mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng số 46/BBVC-CCTHA ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền lãi bị cáo Nguyễn Xuân Đ đã nhận từ người vay (tương ứng với lãi suất cao nhất (20%/năm) theo quy định của bộ luật dân sự) là: 18.082.192đ (*Mười tám triệu không trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng*)

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền nợ gốc còn lại từ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn H1 số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*)

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST

Bản án này là sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo (phần liên quan đến mình) trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc kể ngày niêm yết bản án

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVQL;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP. Sầm Sơn;
- Thi hành án HS, DS TP. Sầm Sơn;
- UBND xã phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng

